

**TÒA ÁN NE DÂN  
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT  
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: **27/2021/HNGĐ - ST**

Ngày: 12/4/2021

(V/v: *Ly hôn*)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NE DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NE DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT  
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nE dân:

1. Ông Nguyễn Lê Phong

2. Ông Nguyễn Bính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nE dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nE dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận - Kiểm sát viên.

-----  
Ngày 12 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nE dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự về Hôn nE gia đình thụ lý số 98/2021/TLST- HNGĐ ngày 03/3/2021, về việc: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lâm Thị Thu A**, sinh năm 1963  
Hộ khẩu thường trú: khu phố E, phường B, tp Phan Thiết, Bình Thuận.  
Địa chỉ: khu phố 2, phường D, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông **Lê C**, sinh năm 1963  
Hộ khẩu thường trú: khu phố E, phường B, tp Phan Thiết, Bình Thuận.  
Địa chỉ: khu phố 2, phường D, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 02 năm 2021, bản tự khai ngày 05/3/2021 và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, nguyên đơn bà Lâm Thị Thu A trình bày:*

Bà và ông Lê C tự nguyện tìm hiểu, sống chung từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, hiện nay tính cách của hai người quá cách biệt cuộc sống vợ chồng trở nên bất ổn, thường xảy ra xung đột, bất hòa trong cuộc sống, ông bà hay cãi vã. Ông bà đã tự sống riêng từ cuối

năm 2020 không còn quan tâm đến nhau nữa mâu thuẫn giữa ông bà không thể hàn gắn không thể về sống chung được.

Nay bà cho rằng tình cảm giữa ông bà đã hết, bà mong Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê C.

Về con chung: ông bà có 02 con chung là: Lê Thị Ngọc E (giới tính: nữ), sinh năm: 1993; Lê Đức F, (giới tính: nam), sinh năm: 1995, cả hai con chung đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Lê C tại bản tự khai và phần trình bày ở phiên tòa thể hiện:*

Ông bà sống chung năm 1992, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vì nhiều lý do, hiện nay ông bà không còn sống chung, tình cảm đã hết, bà A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông đồng ý. Cả hai con Lê Thị Ngọc E, Lê Đức F đã đủ tuổi trưởng thành nên vấn đề cấp dưỡng không đặt ra. Về tài sản và nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nE dân thành phố Phan Thiết tại phiên tòa:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được pE công giải quyết vụ án đã tiến hành các tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự: xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về hôn nE, không công nhận quan hệ giữa bà Lâm Thị Thu A và ông Lê C là quan hệ vợ chồng. Về con chung ông bà có 02 con chung là Lê Thị Ngọc E, Lê Đức F đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, về tài sản và nợ chung, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí bà Lâm Thị Thu A phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Lâm Thị Thu A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Lê C có nơi cư trú tại thành phố Phan Thiết; về con chung ông bà có 02 con chung là Lê Thị Ngọc E, Lê Đức F đã đủ tuổi trưởng thành, về tài sản và nợ chung, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đây là vụ kiện “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nE dân thành phố Phan Thiết quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật được áp dụng để giải quyết: bà Lâm Thị Thu A và ông Lê C chung sống vào năm 1992 và có hai con chung với nhau, nhưng ông bà không đăng ký kết hôn. Đến nay ông, bà vẫn chưa đăng ký kết hôn đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nE và gia đình năm 2014.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1]. Về quan hệ hôn nE: bà Lâm Thị Thu A và ông Lê C tự nguyện tìm hiểu chung sống vào năm 1992, có hai con chung với nhau nhưng ông bà không đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn phát sinh, bà A bỏ đi, bà A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, bà A ông C có quá trình chung sống như vợ chồng nhưng không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, bà có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Đến nay ông, bà vẫn chưa đăng ký kết hôn đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nE và gia đình năm 2014. Bà A, ông C không còn tình cảm, mâu thuẫn phát sinh ông bà tự sống riêng, không quan tâm đến cuộc hôn nE này nữa làm cho hôn nE lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nE không đạt được. Mặc dù mâu thuẫn trong cuộc sống giữa bà A và ông C đã thật sự trầm trọng nhưng HĐXX không thể cho ông bà ly hôn như yêu cầu mà cần phải áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nE và gia đình năm 2014 để tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà A, ông C là quan hệ vợ chồng là đúng theo quy định pháp luật.

[3.2]. Về con chung: ông bà có hai con chung là: Lê Thị Ngọc E (giới tính: nữ), sinh năm:1993; Lê Đức F, (giới tính: nam), sinh năm: 1995, cả hai con chung đều đã trưởng thành, các bên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.3]. Về tài sản chung và nợ chung: ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4]. Về án phí: Bà A phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm, bà A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí nên không hoàn lại cho bà tạm ứng án phí;

*Vì những lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1. Căn cứ** khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39, Điều 235 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, khoản 01 Điều 14, Điều 19, khoản 02 Điều 53 Luật Hôn nE và gia đình năm 2014.

Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nE dân Tối cao - Viện kiểm sát nE dân Tối cao - Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nE và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

## **2. Tuyên xử:**

Về quan hệ hôn nE: Không công nhận quan hệ giữa bà Lâm Thị Thu A và ông Lê C là quan hệ vợ chồng.

**3. Án phí** Bà Lâm Thị Thu A phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về Hôn nE gia đình. Bà A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 004197 ngày 03/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Phan Thiết.

**4. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/4/2021).

Nơi nhận:

- VKS tp.Phan Thiết;
- Chi cục THADSTP Phan Thiết;
- UBND nơi các đương sự thường trú;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Bích Ngọc**